**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**ĐỊA LÍ 10**

**A. LÝ THUYẾT:** *(7 điểm)*

**CHỦ ĐỀ 2. TRÁI ĐẤT**

**I. VỎ TRÁI ĐẤT VÀ VẬT LIỆU CẤU TẠO VỎ TRÁI ĐẤT**

**1. Vỏ Trái Đất**

- Vỏ Trái Đất: là phần cứng ngoài cùng của Trái Đất, độ dày dao động từ 5 km dưới đáy đại dương đến 70 km ở lục địa.

- Cấu tạo: Vỏ lục địa gồm 3 tầng: tầng trầm tích, tầng granit, tầng badan; vỏ đại dương gồm 2 tầng: trầm tích và badan

**2. Vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất**

- Vỏ Trái Đất được cấu tạo bằng đá và khoáng vật (nhiều nhất là silic và nhôm – quyển SiAl)

+ Khoáng vật là những nguyên tố hoặc hợp chất hoá học được hình thành do các quá trình địa chất.

+ Đá là tập hợp của một hay nhiều loại khoáng vật. Dựa vào nguồn gốc hình thành, các loại đá được chia thành ba nhóm:

* + - Đá măcma: được hình thành do kết tinh khối măcma nóng chảy (dung nham núi lửa) trong vỏ Trái Đất. Một số loại đá: đá granit, đá badan...
    - Đá trầm tích: được hình thành do sự tích tụ, nén ép của các sản phẩm phá huỷ từ đá gốc thành vật liệu vụn và xác sinh vật ở các vùng trũng dưới tác động của nhiệt độ cao, áp suất cao. Một số loại đá: đá vôi, đá sét, đá phiến, cát kết,...
    - Đá biến chất: được thành tạo từ đá măcma hoặc đá trầm tích bị biến đổi tính chất do tác động của nhiệt, áp suất,... Một số loại đá: đá gơnai, đá hoa, đá phiến mica,...

**II. THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG**

**1. Nội dung thuyết kiến tạo mảng**

- Vỏ Trái Đất trong quá trình hình thành đã bị gãy vỡ, tách ra thành những mảng cứng gọi là mảng kiến tạo.

- Bề mặt Trái Đất được chia thành 7 mảng lớn và một số mảng nhỏ, mỗi mảng kiến tạo vừa có vỏ lục địa vừa có vỏ đại dương (trừ mảng Thái Bình Dương).

*(Học sinh dựa vào hình 4.4 SGK trang 24, kể tên 6 mảng lục địa; 1 mảng đại dương; một số mảng nhỏ)*

- Các mảng kiến tạo nhẹ, nổi trên lớp vật chất quánh dẻo thuộc phần trên của lớp man-ti và dịch chuyển trên lớp này do hoạt động của các dòng đối lưu vật chất quánh dẻo và có nhiệt độ cao trong lớp man-ti trên.

- Trong khi dịch chuyển, các mảng kiến tạo có thể tách rời nhau hoặc xô vào nhau.

*(Học sinh dựa vào hình 4.4 SGK trang 24, kể hướng dịch chuyển giữa các mảng kiến tạo)*

**2. Nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa**

- Sự hình thành các vùng núi trẻ, vành đai động đất, núi lửa là kết quả của sự tiếp xúc các mảng kiến tạo kèm theo các hoạt động kiến tạo.

- Khi hai mảng kiến tạo tách rời nhau xảy ra hiện tượng phun trào măcma tạo nên các dãy núi ngầm, kèm theo động đất, núi lửa,… VD: sống núi giữa tây Đại Tây Dương được hình thành do sự tách rời giữa mảng Âu-Á và mảng Bắc Mỹ.

- Khi hai mảng kiến tạo xô vào nhau, làm uốn nếp các lớp đá lên khỏi mặt đặt, tạo ra các dãy núi cao (dãy Hi-ma-lay-a giữa mảng Ấn Độ-Ô-xtrây-li-a và mảng Âu-Á,…), các vực biển (vực Ma-ri-a-na,…), sinh ra động đất, núi lửa (đảo núi lửa Phi-líp-pin) giữa mảng Thái Bình Dương và mảng Phi-líp-pin),…

- Khi mảng đại dương chuyển động tiến sát vào mảng lục địa, nó bị hút chìm xuống dưới mảng lục địa, nâng rìa lục địa lên và uốn nếp các lớp đá trầm tích ở đáy đại dương thành các dãy núi như dãy Coóc-đi-e ở Bắc Mỹ; dãy An-đét ở Nam Mỹ; dãy Pi-rê-nê, dãy An-pơ, dãy Cac-pat ở Nam Âu,… Sự chuyển dịch này được gọi là hiện tượng hút chìm và nó thường kèm theo động đất, núi lửa,…

- Khi hai mảng gặp nhau rồi dịch chuyển ngang gọi là trượt bằng sẽ tạo nên vết nứt lớn của vỏ Trái Đất dọc theo đường tiếp xúc. Điển hình như vết nứt tạo nên vịnh Ca-li-phoóc-ni-a giữa mảng Bắc Mỹ và mảng Thái Bình Dương.

**III. HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT**

**1. Sự luân phiên ngày, đêm**

- Trái Đất hình cầu nên trong cùng một thời điểm chỉ được Mặt Trời chiếu sáng một nửa →hiện tượng ngày – đêm.

- Trái Đất tự quay quanh trục 1 vòng trong 24 giờ. → Tạo ra sự luân phiên ngày, đêm trên Trái Đất.

**2. Giờ trên Trái Đất**

- Giờ địa phương: cùng 1 thời điểm, các địa phương ở các kinh tuyến khác nhau sẽ có giờ khác nhau, đó là giờ địa phương. → bất tiện cho sinh hoạt và sản xuất.

- Giờ múi: bề mặt Trái Đất được chia thành 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 15o kinh tuyến, các địa phương nằm trong cùng 1 múi sẽ thống nhất 1 giờ, đó là giờ múi.

- Giờ quốc tế (GMT): giờ ở múi số 0, qua kinh tuyến số 00 tại Anh.

- Việt Nam thuộc múi giờ số 7.

- Đường chuyển ngày quốc tế: quy định là kinh tuyến 1800 đi qua giữa múi giờ số 12 ở Thái Bình Dương

+ Nếu đi từ tây sang đông, qua kinh tuyến 180o thì lùi lại 1 ngày lịch.

+ Nếu đi từ đông sang tây, qua kinh tuyến 180o thì cộng thêm 1 ngày lịch.

### IV. HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG QUANH MẶT TRỜI CỦA TRÁI ĐẤT

**1. Các mùa trong năm**

- Mùa là khoảng thời gian trong năm có những đặc điểm riêng về thời tiết và khí hậu.

|  |  |
| --- | --- |
| Mùa | Thời gian theo dương lịch ở bán cầu Bắc. |
| Xuân | 21 – 3 (xuân phân) đến 22 – 6 (hạ chí) |
| Hạ | 22 – 6 (hạ chí) đến 23 – 9 (thu phân) |
| Thu | 23 – 9 (thu phân) đến 22 – 12 (đông chí) |
| Đông | 22 – 12 (đông chí) đến 21 – 3 (xuân phân) |

***Hiện tượng mùa ở bán cầu Nam diễn ra trái ngược với bán cầu Bắc***

- Nguyên nhân: do trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương khi chuyển động nên bán cầu Bắc và bán cầu Nam lần lượt ngả về phía Mặt Trời, điều này khiến góc nhập xạ và thời gian chiếu sáng ở mỗi bán cầu đều thay đổi trong năm, từ đó sinh ra các mùa.

**2. Ngày, đêm dài ngắn theo vĩ độ**

- Nguyên nhân: do trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương trong khi chuyển động quanh Mặt Trời nên tuỳ vị trí Trái Đất trên quỹ đạo mà ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ.

- Ở Xích đạo: quanh năm ngày bằng đêm.

- Càng xa Xích đạo: thời gian ngày và đêm càng chênh lệch; ngược nhau ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam.

+ Ngày 22/6 có ngày dài nhất, đêm ngắn nhất ở BCB; sau 22/6, ngày ngắn dần. 22/12 có ngày ngắn nhất, đêm dài nhất nhất ở BCB; sau 22/12 ngày dài dần.

+ Ngày 21/3 và 23/9 có ngày dài bằng đêm, bằng 12h trên khắp trái đất.

+ Mùa xuân và hạ có ngày dài hơn đêm.

+ Mùa thu và đông có ngày ngắn hơn đêm.

- Từ vòng cực đến cực: có ngày hoặc đêm dài 24 giờ.

+ Vòng cực có 1 ngày toàn ngày dài 24h, 1 ngày toàn đêm dài 24h (22/6 và 22/12).

+ Càng gần cực, số ngày hoặc đêm dài 24 giờ càng tăng.

+ Ở cực có 6 tháng ngày và 6 tháng đêm.

**CHỦ ĐỀ 3. THẠCH QUYỂN**

**I. KHÁI NIỆM THẠCH QUYỂN**

**1. Khái niệm**

- Thạch quyển là phần cứng ngoài cùng của Trái Đất, bao gồm vỏ Trái Đất và phần trên của lớp man-ti.

- Thạch quyển (còn gọi là quyển đá) vì vật chất cấu tạo nên quyển này ở trong trạng thái cứng và chủ yếu là các loại đá.

**II. NỘI LỰC VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NỘI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**

**1. Nội lực**

- Nội lực là lực phát sinh từ bên trong Trái Đất.

- Nguyên nhân: chủ yếu là do nguồn năng lượng trong lòng Trái Đất (năng lượng của sự phân huỷ các chất phóng xạ, sự dịch chuyển của các dòng vật chất theo quy luật của trọng lực, năng lượng phản ứng hoá học,...).

**2. Tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất**

**2.1. Vận động theo phương thẳng đứng**

**-** Vận động theo phương thẳng đứng là vận động nâng lên, hạ xuống xảy ra rất chậm và trên một diện tích lớn, làm cho bộ phận này của lục địa nâng lên, bộ phận khác bị hạ xuống, sinh ra hiện tượng biển tiến và biển thoái.

- Khi quá trình nâng lên diễn ra trên lục địa thì bề mặt lục địa được nâng cao hơn các vùng xung quanh; mực nước biển hạ thấp, đường bờ biển dịch chuyển về phía đại dương – hiện tượng biển thoái.

- Khi quá trình hạ thấp diễn ra trên lục địa thì bề mặt Trái Đất hạ thấp hơn vùng xung quanh, hình thành vùng trũng. Nếu diễn ra ở ven biển, mực nước dâng cao, đường bờ biển dịch chuyển về phía lục địa, làm sâu và mở rộng thêm đại dương – hiện tượng biển tiến.

**2.2. Vận động theo phương nằm ngang**

**-** Vận động theo phương ngang làm cho vỏ Trái Đất bị nén ép ở khu vực này và tách dãn ở khu vực kia, gây ra hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.

- Tốc độ nén ép và tách dãn diễn ra mạnh nhất ở ranh giới các mảng kiến tạo.

**- Hiện tượng uốn nếp:**

+ Hiện tượng uốn nếp là hiện tượng các lớp đá bị xô ép, uốn cong thành các nếp uốn nhưng không phá vỡ tính chất liên tục của chúng.

+ Nguyên nhân: do các lực nén ép theo phương nằm ngang.

+ Hiện tượng này xuất hiện nhiều ở những nơi đá có độ dẻo cao, điển hình nhất là các đá trầm tích.

+ Cường độ nén ép ban đầu còn yếu làm cho các lớp đá bị uốn nếp → cường độ nén ép tăng mạnh, các lớp đá bị nén ép dâng cao → dưới tác động của ngoại lực, bề mặt địa hình bị cắt xẻ trở thành miền núi uốn nếp.

**- Hiện tượng đứt gãy:**

+ Xảy ra ở những vùng đá cứng làm cho các lớp đất đá bị gãy, đứt ra → dịch chuyển hướng ngược nhau theo phương thẳng đứng hoặc nằm ngang tạo ra hẻm vực, thung lũng.

+ Nếu cường độ tách dãn yếu → đá chỉ nứt nẻ, không chuyển dịch, tạo nên các khe nứt.

+ Sự dịch chuyển với biên độ lớn → các lớp đá có bộ phận trồi lên, sụt xuống tạo thành địa lũy, địa hào (Ví dụ: địa hào như Biển Đỏ, thung lũng Đông Phi; địa luỹ như dãy Con Voi nằm giữa 2 đứt gãy sông Hồng và sông Chảy).

**III. NGOẠI LỰC**

- Khái niệm: Là lực sinh ra trên bề mặt Trái Đất.

- Nguồn gốc: Nguồn năng lượng của bức xạ mặt trời.

- Tác nhân: Nhiệt độ, gió, mưa, nước chảy, nước ngầm, băng hà, sóng biển, sinh vật, con người,...

- Tác động: Phá vỡ, san bằng địa hình do nội lực tạo nên và hình thành những dạng địa hình mới.

- Quá trình: Phong hoá, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ.

**IV. TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**

**1. Quá trình phong hoá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Phong hoá lí học** | **Phong hoá hoá học** | **Phong hoá sinh học** |
| Tác nhân | Do sự thay đổi nhiệt độ đột ngột, sự đóng băng của nước, sự kết tinh của muối,… tác động va đập của sóng, nước chảy, gió thổi, hoạt động sản xuất của con người. | Do tác động của nước, và các chất khí dễ hoà tan trong nước như CO2, O2,… | Do tác động của sinh  vật (vi khuẩn, nấm,  rễ cây,…). |
| Kết quả | Làm phá huỷ đá, đá bị nứt vỡ. | Địa hình cacxtơ ở miền núi đá vôi, đá thấm nước: Hang động, thạch nhũ, măng đá, giếng cạn… (các hang động ở khối núi Phong Nha – Kẻ Bàng, núi Ngũ Hành Sơn, các đảo đá ở Vịnh Hạ Long… | Đá bị mòn, nứt vỡ. |

**2. Quá trình bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ**

- **Quá trình bóc mòn**: là quá trình di chuyển các sản phẩm phong hoá khỏi vị trí ban đầu của nó nhờ các tác nhân ngoại lực. -> để lại bề mặt địa hình bị biến đổi

+ Xâm thực: rãnh nông (do nước chảy tràn); mương xói, khe rãnh xói mòn (do dòng chảy tạm thời); các thung lũng sông, suối (do dòng chảy thường xuyên);… Các vịnh hẹp băng hà (phi-o), cao nguyên băng hà, đá lưng cừu,... do băng hà tạo thành.

+ Mài mòn: do sóng biển tạo nên các dạng địa hình hàm ếch, nền mài mòn,...

+ Thổi mòn: do gió, gió cuốn theo các hạt cát, đập mạnh vào bề mặt đá, phá huỷ đá,… tạo nên các cột đá, tháp đá, nấm đá,...

- **Quá trình vận chuyển**: là quá trình di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác. Có hai hình thức vận chuyển:

+ Vật liệu nhỏ, nhẹ hoà tan và trôi theo dòng nước hoặc di chuyển theo chiều gió.

+ Vật liệu lớn, nặng lăn trên bề mặt dốc. Vật liệu (đá) dừng lại đột ngột trên đường di chuyển, tạo thành “đá lang thang”.

- **Quá trình bồi tụ** là quá trình tích tụ các vật liệu phá huỷ ở nơi trũng thấp hoặc trước vật cản, tạo thành những địa hình mới. Dựa vào tác nhân bồi tụ có thể chia thành:

+ Bồi tụ do băng hà: đồi băng tích, cánh đồng băng tích,...

+ Bồi tụ do nước chảy: bãi bồi ở ven sông, đồng bằng châu thổ, cù lao,...

+ Bồi tụ do gió: đồi cát, cồn cát, cao nguyên hoàng thổ,...

+ Bồi tụ do sóng hoặc dòng biển: bãi biển, cồn cát ngầm, doi cát ven bờ biển,...

**B. KĨ NĂNG** *(3 điểm)*

- Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. *(Tham khảo các câu hỏi SGk/35, 36)*

- Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ. *(Tham khảo câu hỏi 2 bài tập Luyện tập, SGK/34).*

**C. CẤU TRÚC ĐỀ**

**PHẦN I**. **Trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn *(4 điểm)***

- Tỉ lệ: 40% = 16 câu

- Mức độ: Biết

**Phần II. Tự luận *(6 điểm)***

- Tỉ lệ: 60% = 3 câu

- Mức độ:

* Hiểu = 30% (Câu 1 (a;b) - Lí thuyết)
* Vận dụng = 20% (câu 2 – Kĩ năng)
* Vận dụng cao = 10% (câu 3 – Kĩ năng)